TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK HÀ** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HS-ST.
Ngày: 24/5/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK HÀ -TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Thu Liên.

2. Ông Vũ Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2024/TLST-HS, ngày 18 tháng 3 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2024 và quyết định hoãn phiên toà số: 01/2024/HSST-QĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024, đối với bị cáo:

Bị cáo: A H; sinh ngày 27 tháng 10 năm 1996; Nơi sinh: tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi cư trú: Thôn E, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; Dân tộc: Rơ Ngao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A T, sinh năm 1976 (đã chết) và bà Y D, sinh năm 1969 (đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền sự: không.

Tiền án: 01 : Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 18/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" đến ngày 04/8/2023 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt và bị tạm giữ từ ngày 09/12/2023 đến ngày 18/12/2023 được trả tự do. Bị dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 05/01/2024 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại*: Chị Lê Thị Huyền T1; sinh năm 1994.

Nơi cư trú: TDP A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Vũ Văn Q; sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình (Vắng mặt).

2. Ông A T, sinh năm 1976 (đã chết).

Những người đại diện hợp pháp của ông A T gồm có: A H1, sinh năm 1999; A H2, sinh năm 2002 và A H3, sinh năm 2006 là các con của ông A T. Cùng trú tại: Thôn E, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Anh Vũ Minh C, sinh năm: 1998.

Trú tại: TDP A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt)

2. Chị Vũ Thị H4, sinh năm: 1976.

Trú tại: Thôn K, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/12/2023 do cần tiền tiêu xài cá nhân, A H rủ A B *(sinh năm 2001)* đều trú tại thôn E, xã Đ, thành phố K đi tìm chim nuôi của người dân để trộm cắp và bán lấy tiền tiêu xài thì A B đồng ý. Khoảng 11 giờ cùng ngày A H đều khiển xe mô tô biển số 82B1-174.93 chở A B đi lên huyện Đ, khi đến tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum, A H và A B nhìn thấy có 01 *(một)* lồng chim, loại lồng sắt bên trong lồng có 01 *(một)* con chim Khướu đang treo ở cây trước nhà. Lúc này, A H và A B quan sát thấy không có người trông coi nên A B nói A H quay xe lại rồi A B xuống xe đi lại gần, lén lút trộm cắp con chim K và lồng chim. Khi A B vừa mang được lồng chim ra khỏi cổng thì bị chị T1 và anh Vũ Minh C phát hiện, truy hô đuổi theo. A B bỏ chạy và nhảy lên xe mô tô do A H đang đứng chờ ngoài cổng. A H điều khiển xe chở A B ngồi sau xách theo lồng chim vừa trộm cắp được bỏ chạy, khi chạy được khoảng 300 mét thì A B bắt con chim ra khỏi lồng rồi vứt lồng chim lại trên đường. Khi về đến nhà A H tại thôn E, xã Đ, thành phố K, A H bỏ con chim vừa trộm cắp được vào 01 *(một)* lồng chim được làm bằng tre, hình trụ, cao khoảng 80cm, đường kính khoảng 42cm của A H. Sau đó, A H và A B đi đến một cửa hàng mua bán chim trên đường B, thành phố K để bán chim. Khi A H và A B đang đi vào cửa hàng thì gặp chị Vũ Thị H4 và anh Vũ Văn Q đang đi tìm mua chim. Anh Q đến hỏi A H "Có bán chim không", A H nói "Có", anh Q hỏi tiếp "Bán bao nhiêu", A H nói "Một triệu rưỡi", anh Q đồng ý và

đưa số tiền 1.500.000 đồng cho A H. Sau đó A H và A B chia nhau mỗi người 750.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 47/KL-HĐĐG ngày 19/12/2023, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: 01 *(một)* lồng chim, loại lồng sắt, đường kính 45cm, cao 70cm, hình trụ tròn, có đĩa lót bằng nhựa giá trị tài sản 95.000 đồng; Tại Bản kết luận định giá tài sản số 55/KL-HĐĐG ngày 27/12/2023, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận 01 *(một)* con chim Khướu, đặc điểm thuộc dòng Khướu bạc má, lông màu xám, hai bên má có màu trắng, chim trưởng thành, khoảng 02 năm tuổi, giá trị tài sản: 1.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là: 1.595.000 đồng *(Một triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng)*.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKSĐH, ngày 18/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum đã truy tố bị cáo A H về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và nội dụng Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum; bị cáo không ý kiến gì về các hoạt động tố tụng và không có ý kiến tranh luận gì với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Qua tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Cáo trạng và quyết định truy tố đối với bị cáo A H đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị tuyên bố bị cáo A H phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" và đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án và được trừ thời gian bị tạm giữ trước đây. Bị cáo làm nông, có thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Trả lại cho những người đại diện của ông A T 01 xe mô tô nhãn hiệu DETECHESSPERO, màu sơn xanh, biển số 82B1-174.93 đã qua sử dụng. Tịch thu tiêu hủy 01 lồng chim bằng tre, hình trụ, đường kính khoảng 42cm, cao khoảng 80cm đã qua sử dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Lê Thị Huyền T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn Q không ai có yêu cầu gì nên đề nghị không xem xét.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai và vi phạm pháp luật, bị cáo hối hận về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hay khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với việc vắng mặt của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện của ông A T . Xét thấy, việc vắng mặt của những người nói trên không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi bị cáo bị truy tố:

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở pháp lý kết luận:

Khoảng 13 giờ 20 phút, ngày 07/12/2023, tại tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum, bị cáo A H đã cùng với A B lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 con chim Khướu và 01 chiếc lồng sắt của chị Lê Thị Huyền T1 có trị giá là 1.595.000 đồng *(Một triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng)*. Mặc dù trị giá tài sản trộm cắp dưới 2.000.000 đồng nhưng vào ngày 18/5/2023 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xử phạt 06 *(sáu)* tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tính đến ngày 07/12/2023 chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Vì vậy, hành vi của bị cáo A H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo A H về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] *Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo*:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh

hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bản thân bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ, mục đích muốn có tiền để tiêu xài cá nhân và ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, cần phải xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo để xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

[4] *Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- Về nhân thân: Trước khi phạm tội lần này bị cáo có một tiền án chưa được xóa án tích.

- Về tình tiết tăng nặng: Tiền án của bị cáo là dấu hiệu định tội trong vụ án này nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tài sản trộm cắp có trị giá không lớn và đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 cần áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Về quyết định hình phạt: Bản thân bị cáo đã từng bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật không tốt. Vì vậy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tiếp tục cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội cũng như phòng ngừa chung.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo làm nông, có thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự; đối số tiền 1.500.000 đồng mà A H và A B có được khi bán con chim Khướu cho anh Vũ Văn Q thì A H, A B đã chia nhau tiêu xài hết và không thu giữ được. Trong quá trình điều tra anh Vũ Văn Q cũng không yêu cầu bị cáo trả lại nên Hội đồng xét xử không tuyên tịch thu.

[8] *Về xử lý vật chứng:*

- Việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng trả cho bị hại chị Lê Thị Huyền T1 tài sản bị trộm cắp gồm 01 lồng chim loại lồng sắt hình trụ tròn và 01con chim Khướu là phù hợp.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu DETECHESSPERO, màu sơn xanh, biển số 82B1-174.93 đã qua sử dụng đây là tài sản của ông A T là cha ruột của bị cáo. Bị cáo sử dụng xe nói trên để làm phương tiện đi thực hiện hành vi trộm cắp thì ông A T không biết nên trả lại xe mô tô biển số 82B1-174.93 cho ông A T. Tuy

nhiên, hiện nay ông A T đã chết nên cần phải trả lại chiếc xe mô tô biển số 82B1-17493 cho những người đại diện hợp pháp của ông A T do anh A H2 làm đại diện nhận xe.

- Đối với 01 *(một)* lồng chim bằng tre, hình trụ, đường kính khoảng 42cm, cao khoảng 80cm, đã qua sử dụng, xét thấy đây là tài sản của bị cáo và giá trị không đáng kể nên tịch thu tiêu huỷ.

[9] *Về các vấn đề liên quan:*

- Đối với A B cùng đi trộm cắp với bị cáo: Quá trình điều tra, A B không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra chưa tiến hành làm việc được. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ nếu có dấu hiệu của tội phạm thì sẽ xử lý sau.

- Đối với anh Vũ Văn Q: Quá trình điều tra xác định, khi mua con chim mà bị cáo A H trộm cắp được, anh Q không biết về nguồn gốc con chim do A H trộm cắp được mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm gì đối với anh Vũ Văn Q là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo A H phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo A H 06 *(Sáu)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 09/12/2023 đến ngày 18/12/2023.

3. Về xử lý vật chứng**:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

- Trả lại cho A H1, A H2 và A H3 là người đại diện hợp pháp của ông A T đã chết 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu DETECHESSPERO, màu sơn xanh, biển số 82B1-174.93 đã qua sử dụng. Do anh A H2 làm đại diện nhận xe nói trên.

- Tịch thu tiêu hủy 01 *(một)* lồng chim bằng tre, hình trụ, đường kính khoảng 42cm, cao khoảng 80cm, đã qua sử dụng.

(Các vật chứng, đồ vật nêu trên có đặc điểm theo như các biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 22 tháng 3 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều

tra Công an huyện Đ*, tỉnh Kon Tum và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum).*

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo A H phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 332; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TANDtỉnhKonTum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Hà;
- Cơ quan CSĐTCA huyện Đăk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đăk Hà;
- Bị cáo và các đương sự;
- Sơ Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hữu Tiến